

Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL
Ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP
ngày 20/3/2019

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 02 năm sau

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
đến ngày 31 tháng 5 năm 2021)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp
(Cục Kế hoạch - Tài chính)

A	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang) (Vụ việc)	Kết quả hòa giải (Vụ việc)						Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (Đồng)		Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó: Kinh phí Chi thù lao	Số xã	Số phường, thị trấn
			Tổng số	Chia ra							
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	652	447	161	50	59	52	44	1.090.688.590	113.550.000	81	20
1. Huyện Càng Long	58	47	7	2	4	1	4	210.000.000	10.450.000	12	1
2. Huyện Cầu Kè	94	76	13	5	8	-	5	21.738.590	17.150.000	10	1
3. Huyện Cầu Ngang	85	45	38	10	23	5	2	225.000.000	14.700.000	13	2
4. Huyện Châu Thành	103	69	34	14	6	14	-	18.900.000	18.900.000	13	1
5. Huyện Duyên Hải	93	53	25	9	8	8	15	105.000.000	14.350.000	6	1
6. Thị xã Duyên Hải	20	17	3	2	1	-	-	105.000.000	3.850.000	5	2
7. Huyện Tiểu Cần	65	47	18	-	-	18	-	165.000.000	12.100.000	9	2
8. Huyện Trà Cú	108	78	14	6	8	-	16	210.000.000	17.700.000	12	1
9. Thành Phố Trà Vinh	26	15	9	2	1	6	2	30.050.000	4.350.000	1	9

Tỷ lệ hòa giải thành: **73,52%**

